# BỘ ĐÀM CƠ ĐỘNG MOTOTRBO™ XIR M3188™ VÀ XIR M3688™

## ĐƠN GIẢN VÀ HIỆU QUẢ

Nhân viên của bạn đang di chuyển, giao hàng, nhận hàng hóa ký gửi, đưa đón học sinh tới trường. Bạn cần duy trì kết nối và đảm bảo tiến độ công việc hiệu quả. Và bạn muốn chắc chắn rằng các loại bộ đàm họ đang dùng có chi phí hợp lý và khả năng tùy biến càng cao càng tốt.

Giờ đây đã có những loại bộ đàm cơ động linh hoạt mang lại cho bạn hoạt động liên lạc thoại tuyệt vời ngay hôm nay và một hướng đi mới cho khả năng liên lạc thoại kỹ thuật số nhanh gọn và thông suốt ngay khi bạn sẵn sàng. Đa nhiệm và mạnh mẽ, các dòng bộ đàm MOTOTRBO™ kết hợp tính năng ưu việt nhất của bộ đàm hai chiều với công nghệ analog và kỹ thuật số mới nhất. Danh mục sản phẩm bộ đàm MOTOTRBO mang những thiết bị phù hợp tới tay người sử dụng thích hợp, từ những loại bộ đàm cầm tay chỉ có tính năng thoại cho tới những loại bộ đàm đa tính năng thoại kèm dữ liệu.

Dòng sản phẩm bền bỉ MOTOTRBO XiR M3188 và XiR M3688 là những bộ đàm cơ động có 2 chế độ analog/ kỹ thuật số mang trong mình tất cả những lợi điểm của công nghệ hiện đại nhất: từ chất lượng âm thanh tuyệt vời cho đến diện phủ sóng rộng hơn. Những thiết bị có chi phí hợp lý này tương thích với các tính năng tiên tiến của MOTOTRBO mà bạn sẽ thấy tối cần thiết cho hoạt động kinh doanh như tính năng làm gián đoạn truyền phát để ưu tiên cho các liên lạc thoại quan trọng then chốt.

Với màn hình hiển thị chữ và số sáng cùng độ tương phản cao của bộ đàm XiR M3688, lái xe chỉ cần liếc sơ qua là cũng có thể thấy rõ những thông tin quan trọng như ID của người gọi. Dòng bộ đàm XiR M3188 chỉ cung cấp hiển thị đơn giản với số thứ tự kênh.

Dòng bộ đàm XiR M3188 và XiR M3688 hoàn toàn dễ sử dụng và mang lại chất lượng thoại thông suốt. Bạn sẽ hoàn toàn bị chinh phục về mức độ hiệu quả công việc.

### TÍNH NĂNG

- Analogue / Kỹ thuật số
- Liên lạc thoại
- Tin nhắn văn bản mẫu
- Hỗ trợ 2 kênh trong chế độ trực tiếp
- Ngắt phát (chỉ giải mã)
- Thông báo bằng âm thoại
- Hiển thị bằng số (XiR M3188)
- Hiển thị bằng chữ và số (XiR M3688)
- Phù hợp với các tiêu chuẩn về Bộ đàm Di động Kỹ thuật số DMR
- Đạt chuẩn IP54

### TÙY CHỌN

- Gói quản lý Bộ đàm

## LIÊN LẠC THOẠI ĐƠN GIẢN
## DÀNH CHO NGƯỜI SỬ DỤNG HÀNG NGÀY LUÔN MUỐN DUY TRÌ KẾT NỐI

## KẾT NỐI ĐỘI NGŨ CỦA BẠN DỄ DÀNG VÀ HIỆU QUẢ

Dòng bộ đàm cơ động XiR M3188 và XiR M3688 hết sức lý tưởng trong việc giúp nhân viên của bạn duy trì kết nối một cách đáng tin cậy và tiết kiệm chi phí. Vì vậy, họ có thể liên lạc, phối kết hợp và cộng tác cùng nhau dù họ đang giao hàng hay vận chuyển hành khách. Với thiết kế phù hợp về khoa học lao động và chất lượng âm thanh trong và rõ ràng, giờ đây đội ngũ của bạn hoàn toàn có thể làm việc hiệu quả hơn.

Hãy mở ra sức mạnh của bộ đàm cơ động XiR M3188 và XiR M3688 bằng cách kết nối với các phụ kiện chính hãng của Motorola. Đây là những phụ kiện duy nhất được thiết kế, lắp ráp và thử nghiệm cùng với bộ đàm của bạn nhằm tối ưu hóa hoạt động của bộ đàm. (Vui lòng xem thêm tờ thông tin về phụ kiện để biết thêm toàn bộ danh mục sản phẩm).

## DUY TRÌ LIÊN LẠC VÀ PHƯƠNG HƯỚNG CỦA ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN

Lái xe giao hàng bị lạc đường đang sử dụng bộ đàm cơ động XiR M3188 lắp đặt sẵn trong xe để gọi về văn phòng điều hành. Micro ở tầm che nắng và phím push-to-talk lắp trên vô lăng giúp anh liên lạc an toàn trong khi đang lái xe cùng với phần mềm chống ồn kỹ thuật số giúp lọc bớt tiếng ồn trên đường phố giúp anh nghe rõ hơn. Và anh đã nhanh chóng tìm ra đường đi một cách an toàn.

Người lái xe buýt cho trường học dựa vào bộ đàm XiR M3688 của mình để đảm bảo an toàn cho hành khách. Công nghệ kỹ thuật số mang lại khả năng phủ sóng tuyệt vời khắp khu vực và bây giờ, với tính năng 2 kênh trong Chế độ Trực tiếp của MOTOTRBO, người lái xe sẽ không hề gặp khó khăn trong việc có thêm kênh thoại. Màn hình hiển thị chữ và số rõ ràng và sáng hơn giúp anh có được tất cả những thông tin anh cần. Nếu xảy ra sự cố, anh có thể dùng một trong số những nút bấm lập trình được để gọi giúp đỡ chỉ với một lần chạm.

## LIÊN LẠC MÀ KHÔNG GÂY MẤT TẬP TRUNG

Dòng bộ đàm XiR M3188 và XiR M3688 được thiết kế dành riêng cho những người lái xe hàng ngày và giúp bạn duy trì kết nối với đội ngũ nhân viên luôn di chuyển của bạn mà không hề làm họ mất tập trung. Vì vậy khi nhân viên của bạn nâng cao được hiệu quả công việc, họ đồng thời cũng có thể tăng cường độ an toàn cho bản thân mình.

## TÍCH HỢP LIỀN MẠCH VỚI CÁC THIẾT BỊ CỦA BẠN

Hãy chắc chắn rằng các dòng bộ đàm MOTOTRBO mới của bạn luôn sẵn sàng ngay khi bạn cần. Chúng tôi có thể cung cấp các chuyên gia và quy trình phù hợp để giúp bạn tích hợp các dòng bộ đàm cơ động MOTOTRBO vào hoạt động kinh doanh của bạn một cách nhanh chóng và tiết kiệm chi phí. Hoạt động này sẽ bao gồm việc lập bản đồ phủ sóng, tích hợp vị trí và lập trình thiết bị.

## HÀI LÒNG VỚI ĐỘ BỀN CAO

Các dòng bộ đàm XiR M3188 và XiR M3688 được thiết kế để hoạt động bền bỉ với việc bảo hành tiêu chuẩn trong vòng hai năm và bảo hành ít nhất một năm cho các loại phụ kiện mang nhãn hiệu của Motorola. Các dòng bộ đàm này cũng đạt chuẩn IP54 (chống nước và chống bụi) vì vậy có thể sử dụng trong những môi trường thực sự khắc nghiệt. Hơn nữa, thiết kế này đã được thử nghiệm độ bền qua chương trình Thử nghiệm Vòng đời Tăng tiến nghiêm ngặt của Motorola. Với thử nghiệm này, các loại bộ đàm phải vượt qua được thử thách phục vụ liên tục trong vòng 5 năm giả định trước khi được phép bán ra. Vì vậy, bạn hoàn toàn có thể tin cậy vào độ bền của các dòng bộ đàm XiR M3188 và XiR M3688 của bạn.

XiR M3688

XiR M3188

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM**
DÒNG BỘ ĐÀM CƠ ĐỘNG MOTOTRBO™ XIR M3188™ VÀ XIR M3688™

## CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CHUNG

| | XiR M3688 | | | |
|---|---|---|---|---|
| | UHF | UHF | UHF | UHF |
| Công suất kênh | 160 | | 16 | |
| Công suất RF Điển hình<br>Công suất thấp<br>Công suất cao | 1-25 W<br>25-45 W | 1-25 W<br>25-40 W | 1-25 W<br>25-45 W | 1-25 W<br>25-40 W |
| Tần số | 136-174 MHz | 403-438 MHz/403-470 MHz | 136-174 MHz | 403-438 MHz/403-470 MHz |
| Kích thước (Cao x Rộng x Dài) | 1.7 x 6.7 x 5.3 in (44 x 169 x 134 mm) | | 1.7 x 6.7 x 5.3 in (44 x 169 x 134 mm) | |
| Trọng lượng | 2,9 lbs (1.3 kg) | | 2,9 lbs (1.3 kg) | |
| Dòng tiêu thụ ở chế độ chờ thu ở mức phát danh định | 0.81 A tối đa<br>2 A tối đa<br>1-25 W: 11.0 A tối đa<br>25-45 W: 14.5 A tối đa | 0.81 A tối đa<br>2 A tối đa<br>1-25 W: 11.0 A tối đa<br>25-40 W: 14.5 A tối đa | 0.81 A tối đa<br>2 A tối đa<br>1-25 W: 11.0 A tối đa<br>25-45 W: 14.5 A tối đa | 0.81 A tối đa<br>2 A tối đa<br>1-25 W: 11.0 A tối đa<br>25-45 W: 14.5 A tối đa |
| Mô tả FCC | 1-25 W: ABZ99FT3090<br>25-45 W: ABZ99FT3091 | 1-25 W: ABZ99FT4092<br>25-40 W: ABZ99FT4093 | 1-25 W: ABZ99FT3090<br>25-45 W: ABZ99FT3091 | 1-25 W: ABZ99FT4092<br>25-40 W: ABZ99FT4093 |
| Mô tả IC | 1-25 W: 109AB-99FT3090<br>25-45 W:109AB-<br>99FT3091 | 1-25 W:109AB-99FT4092<br>25-40 W:109AB-<br>99FT4093 | 1-25 W:109AB-99FT3090<br>25-45 W:109AB-<br>99FT3091 | 1-25 W:109AB-99FT4092<br>25-40 W:109AB-<br>99FT4093 |

## MÁY THU

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Tần số | 136-174 MHz | 403-438 MHz/403-470 MHz | 136-174 MHz | 403-438 MHz/403-470 MHz |
| Độ giãn cách kênh | 12.5 kHz/25 kHz | | | |
| Độ ổn định Tần số<br>(-30°C, +60°C, +25°C Tham chiếu) | ± 0.5 ppm | | | |
| Độ nhạy thu Analogue Điển hình<br>(12 dB SINAD) | 0.3 uV<br>(0.22 uV điển hình) | | | |
| Độ nhạy thu Kỹ thuật số (5% BER) | 0.25 uV<br>(0.19 uV điển hình) | | | |
| Điều chế giao thoa (TIA603D) | 75 dB | 70 dB | 75 dB | 70 dB |
| Chọc lọc Kênh lân cận (TIA603D) | 50 dB @ 12.5 kHz<br>75 dB @ 25 kHz | 50 dB @ 12.5 kHz<br>70 dB @ 25 kHz | 50 dB @ 12.5 kHz<br>75 dB @ 25 kHz | 50 dB @ 12.5 kHz<br>70 dB @ 25 kHz |
| Loại trừ tín hiệu giả (TIA603D) | 75 dB | 70 dB | 75 dB | 70 dB |
| Công suất âm tần danh định | 4 W (Nội tuyến)<br>7.5 W (Ngoại tuyến - 8 ohms)<br>13 W (Ngoại tuyến - 4 ohms) | | | |
| Độ méo âm tần ở mức danh định | 3% (điển hình) | | | |
| Nhiễu và tiếng rít | -40 dB @ 12.5 kHz/-45 dB @ 25 kHz | | | |
| Đáp tuyến âm tần | TIA603D | | | |
| Bức xạ tín hiệu giả được truyền dẫn<br>(TIA603D) | -57 dBm | | | |

## MÁY PHÁT

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Tần số | 136-174 MHz | 403-438 MHz/403-470 MHz | 136-174 MHz | 403-438 MHz/403-470 MHz |
| Độ giãn cách kênh | 12.5 kHz/25 kHz | | | |
| Độ ổn định Tần số<br>(-30°C, +60°C, +25°C Tham chiếu) | ± 0.5 ppm | | | |
| Mức công suất thấp | 1-25 W | | | |
| Mức công suất cao | 25-45 W | 25-40 W | 25-45 | 25-40 W |
| Giới hạn điều biến | ± 2.5 kHz @ 12.5 kHz/± 5.0 kHz @ 25 kHz | | | |
| Nhiễu và tiếng rít FM | -40 dB @ 12.5 kHz/-45 dB @ 25 kHz | | | |
| Bức xạ truyền dẫn/lan tỏa | -36 dBm < 1 GHz / -30 dBm > 1 GHz | | | |
| Công suất kênh lân cận | 60 dB @ 12.5 kHz/70 dB @ 25 kHz | | | |
| Đáp tuyến âm tần | TIA603D | | | |
| Độ méo âm tần | 3% | | | |
| Điều chế FM | 12.5 kHz:11K0F3E<br>25 kHz:16K0F3E | | | |
| Điều chế kỹ thuật số 4FSK | 12.5 kHz Dữ liệu: 7K60F1D và 7K60FXD<br>12.5 kHz Thoại: 7K60F1E và 7K60FXE<br>Kết hợp Thoại và Dữ liệu 12.5 kHz: 7K60F1W | | | |
| Kiểu Vocoder Kỹ thuật số | AMBE +2™ | | | |
| Giao thức số | ETSI TS 102 361-1, -2, -3 | | | |

Các chỉ tiêu kỹ thuật có thể thay đổi không cần báo trước. Toàn bộ các chỉ tiêu là giá trị điển hình. Máy bộ đàm đáp ứng các yêu cầu theo quy định.

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM**
DÒNG BỘ ĐÀM CƠ ĐỘNG MOTOTRBO™ XIR M3188™ VÀ XIR M3688™

## CÁC TIÊU CHUẨN QUÂN SỰ

| | 810C | | 810D | | 810E | | 810F | | 810G | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Ứng dụng MIL-STD | Phương pháp | Qui trình | Phương pháp | Qui trình | Phương pháp | Qui trình | Phương pháp | Qui trình | Phương pháp | Qui trình |
| Áp lực thấp | 500.1 | I | 500.2 | II | 500.3 | II | 500.4 | II | 500.5 | II |
| Nhiệt độ cao | 501.1 | I,II | 501.2 | I/A1, II/A1 | 501.3 | I/A1,II/A1 | 501.4 | I/Nóng, II/Nóng | 501.5 | I/A1, II |
| Nhiệt độ thấp | 502.1 | I | 502.2 | I/C3,II/C1 | 502.3 | I/C3,II/C1 | 502.4 | I/C3,II/C1 | 502.5 | I, II |
| Sốc nhiệt | 503.1 | – | 503.2 | I/A1/C3 | 503.3 | I/A1/C3 | 503.4 | I | 503.5 | I/C |
| Bức xạ mặt trời | 505.1 | II | 505.2 | I | 505.3 | I | 505.4 | I | 505.5 | I/A1 |
| Mưa | 506.1 | I, II | 506.2 | I, II | 506.3 | I, II | 506.4 | I, III | 506.5 | I, III |
| Độ ẩm | 507.1 | II | 507.2 | II | 507.3 | II | 507.4 | – | 507.5 | II - Tăng tiến |
| Sương muối | 509.1 | – | 509.2 | – | 509.3 | – | 509.4 | – | 509.5 | – |
| Bụi | 510.1 | I | 510.2 | I | 510.3 | I | 510.4 | I | 510.5 | I |
| Rung | 514.2 | VIII/F, Cong-W | 514.3 | I/10, II/3 | 514.4 | I/10, II/3 | 514.5 | I/24 | 514.6 | I/24, II/5 |
| Xóc | 516.2 | I,II | 516.3 | I,IV | 516.4 | I,IV | 516.5 | I,IV | 516.6 | I,IV, V,VI |

## CÁC CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG

| | |
|---|---|
| Nhiệt độ vận hành | -30°C[2] / +60°C |
| Nhiệt độ Bảo quản | -40°C/+85°C |
| Sốc nhiệt | Theo tiêu chuẩn MIL-STD |
| Độ ẩm | Theo tiêu chuẩn MIL-STD |
| Chống tĩnh điện ESD | IEC 61000-4-2 Level 3 |
| Chống bụi và ngấm nước | IP54, MIL-STD* |
| Kiểm tra đóng gói | Theo tiêu chuẩn MIL-STD |

*Máy bộ đàm đạt tiêu chuẩn IP54 và MIL-STD với micro có nắp kín và nắp che cổng kết nối phụ kiện phía sau được lắp đặt cẩn thận.
Các chỉ tiêu kỹ thuật có thể thay đổi không cần báo trước.
Toàn bộ các chỉ tiêu là giá trị điển hình.

Máy bộ đàm đáp ứng các yêu cầu theo quy định.

Để biết thêm thông tin về các dòng bộ đàm MOTOTRBO™ XiR M3188™ hay XiR M3688™, vui lòng truy cập **motorolasolutions.com/mototrbo.** Để tìm đối tác trong kênh phân phối của Motorola gần nhất, vui lòng xem thông tin tại **motorolasolutions.com/contactus.**

**Motorola Solutions Singapore Pte Ltd**
12 Ang Mo Kio Street 64, Ang Mo Kio Industrial Park 3, UE Biz Hub, Block A, Level 7 Singapore 569088 **motorolasolutions.com**

MOTOROLA, MOTO, MOTOROLA SOLUTIONS và Logo M cách điệu là các thương hiệu của Motorola Trademark Holdings, LLC và được dùng khi được cấp phép. Tất cả các thương hiệu khác thuộc sở hữu của các chủ sở hữu tương ứng.
© 2013 Motorola Solutions, Inc. Bản quyền được bảo hộ.

XiR M3188 / M3688_SS_30/07/2013

MOTOTRBO™ DIGITAL REMASTERED.

MOTOROLA